TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **12**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2022
V/v:*"Tranh chấp nuôi con, nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Na Na

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Đạt
2. Bà Lê Thị Huyền Trâm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp nuôi con, nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Xóm 4, thôn H, xã Nghĩa H, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Ông Trương Đình T, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Xóm 4, thôn H, xã Nghĩa H, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà H có mặt tại phiên toà. Ông T vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2022; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 13/4/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn, bà H và ông T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 1992 bà H và ông T bắt đầu phát sinh mâu

thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không hoà hợp. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là ông T thường xuyên chửi bới và đánh đập bà H nhiều lần. Nay bà H nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà với ông T là mâu thuẫn trầm trọng, bà H không thể sống chung với ông T được nữa. Vì vậy, bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết không công nhận bà với ông Trương Đình T là vợ chồng.

- Về con chung: Giữa bà H và ông T có 04 con chung, gồm Trương Văn T, sinh ngày 28/2/1989; Trương Thị L, sinh ngày 06/3/1992; Trương Thị T, sinh ngày 15/4/1994 và cháu Trương Tuấn Th, sinh ngày 12/01/2005. Hiện nay 03 con chung, Trương Văn T, Trương Thị L, Trương Thị T đã thành niên. Riêng con chung Trương Tuấn Th chưa thành niên và hiện đang sống cùng với bà H. Bà H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Tuấn Th. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Toà án giải quyết

- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là ông Trương Đình T đã có bản tự khai ngày 20/5/2022 đã khai như sau:*

Ông với bà H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới. Trong quá trình sống chung giữa ông với bà H đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả, ông có đập phá đồ đạc trong nhà. Hiện nay, ông với bà H đã ly thân không còn sống chung với nhau nữa, phần ai nấy sống. Việc bà H có đơn khởi kiện không công nhận ông là chồng.

Về con chung, giữa ông với bà H có 04 con chung, đúng như nội dung bà H đã trình bày. Ông thống nhất giao con chung, cháu Trương Tuấn Th, sinh ngày 12/01/2005 cho bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Th, ông không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Tại biên bản xác minh ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện T về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà H và ông T:*

Đại diện Hội Liên Hiệp phụ nữ xã Nghĩa H, huyện Tư Nghĩa cho biết Hội phụ nữ xã không biết được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà H với ông T. Vì Hội Liên Hiệp phụ nữ xã không nghe bà H và ông T báo với Hội Liên Hiệp phụ nữ xã về mâu thuẫn hay có đơn thư nhờ Hội Liên Hiệp phụ nữ xã can thiệp. Để bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em, tiếp tục giao cháu Trương Tuấn Th cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng N:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ là đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị H. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Toà án tuyên

không công nhận bà H với ông T là vợ chồng. Về con chung: 03 con chung, T, L và T đã thành niên không yêu cầu Toà án xem xét. Riêng cháu Th chưa đủ 18 tuổi, Khi ly hôn giao con chung cháu Trương Tuấn Th cho bà H là người chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ông Trương Đình T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố, thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, giữa bà Hồ Thị H với Ông Trương Đình T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết, không công nhận bà với ông T là vợ chồng. Căn cứ theo quy định tại khoản 7, Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

Bị đơn có nơi cư trú tại xã Nghĩa H, huyện T, tỉnh Quảng N căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng N. Bị đơn ông Trương Đình T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị H và ông Trương Đình T sống chung với nhau như vợ chồng năm 1989, có tổ chức làm đám cưới theo phong tục địa phương mà không đăng ký kết hôn, sống chung trên cơ sở tự nguyện. Theo lời khai của bà Hồ Thị H đã khai, thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do ông T thường xuyên chửi bới, đánh đập bà H. Vì vậy, giữa bà H và ông T đã sống ly thân với nhau, phần ai nấy sống.

Lời khai của bà H phù hợp với lời khai của ông T, ông T cũng thống nhất và đồng ý việc khởi kiện của bà H. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận bà với ông T là vợ chồng. Vì quan hệ hôn nhân giữa bà H với ông T là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, do không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 9/6/2000 của Quốc Hội để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên bố nguyên đơn bà Hồ Thị H và bị đơn ông Trương Đình T không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình sống chung, giữa bà Hồ Thị H với ông Trương Đình T có 04 con chung, Trương Văn T, Trương Thị L, Trương Thị T

đã thành niên không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung Trương Tuấn Th, sinh ngày 12/01/2005 hiện đang ở với Bà Hồ Thị H. Do vậy, khi ly hôn cần giao cháu Trương Tuấn Th cho bà H để bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đảm bảo quyền lợi cho cháu Th. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Đương sự đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Hồ Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 9/6/2000 của Quốc Hội

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn bà Hồ Thị H, ông Trương Đình T không phải là vợ chồng.

1.2. Về con chung: Giao con chung cháu Trương Tuấn Th, sinh ngày 12/01/2005 cho bà Hồ Thị H là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trương Đình T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hồ Thị H và anh Trương Đình T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Đương sự đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002108 ngày 25-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng N.

3. Nguyên đơn bà Hồ Thị H có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Trương Đình T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Ngãi;
-VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Nghĩa H;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Na Na